

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2025/HS-ST
Ngày 17 tháng 01 năm 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Quyết Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Nga và Nguyễn Ngọc Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Mến - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 165/2024/TLST-HS ngày 18 tháng 12 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2024/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 12 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Liêng Văn Đ, sinh ngày 01/01/1983, tại tỉnh Sóc Trăng;

Nơi thường trú: Ấp P, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Nơi ở (có đăng ký tạm trú): ấp Ông H, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Văn T, sinh năm 1957 (còn sống) và bà Lê Thị L, sinh năm 1957 (còn sống); Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai; có vợ là Lý Thị L1, sinh năm 1989 và có 01 con sinh năm 2011.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt quả tang và tạm giữ từ ngày 29/9/2024 đến ngày 04/10/2024, sau đó bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú.

2. Nguyễn Trung N, sinh ngày 01/01/1982, tại tỉnh Hậu Giang;

Nơi thường trú: 10/69, khu vực V, phường H, thành phố N, tỉnh Hậu Giang. Nơi ở (có đăng ký tạm trú): ấp F, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: Công nhân;

trình độ học vấn: không đi học; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quốc V, sinh năm 1956 (còn sống) và bà Phạm Thị G, sinh năm 1958 (còn sống); Gia đình có 07 anh em, bị cáo là con thứ ba; có vợ là Ngô Thị D, sinh năm 1989 và có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt quả tang và tạm giữ từ ngày 29/9/2024 đến ngày 04/10/2024, sau đó bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú.

3. Võ Văn B, sinh ngày 27/4/1986, tại tỉnh Hà Tĩnh;

Nơi thường trú: Thôn C, xã C, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Nơi ở (không đăng ký tạm trú): khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Duy T1, sinh năm 1959 (còn sống) và bà Lê Thị P, sinh năm 1965 (còn sống); gia đình có 05 anh em, bị cáo là con thứ nhất; có vợ là Nguyễn Thị Khánh H1, sinh năm 1985 và có 03 con, lớn nhất sinh 2010, nhỏ nhất sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 11/9/2020, bị Công an xã C, huyện T, tỉnh Quảng Bình xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc. Ngày 14/9/2020, Võ Văn B đã thi hành xong quyết định.

Bị bắt quả tang và tạm giữ ngày 29/9/2024, chuyển tạm giam ngày 04/10/2024 theo Lệnh số 319/LTG của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V. Hiện bị cáo đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện.

4. Lâm G1, sinh ngày 01/01/1983, tại tỉnh Cà Mau;

Nơi thường trú: Ấp F, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. Nơi ở (có đăng ký tạm trú): ấp Ông H, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kh'mer; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Sô Đi V1, sinh năm 1958 (còn sống) và Lý Thị L2, sinh năm 1959 (còn sống); Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ hai; có vợ là Trần Thị Thúy L3, sinh năm 1993 và có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt quả tang và tạm giữ từ ngày 29/9/2024 đến ngày 04/10/2024, sau đó bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú.

** Người bào chữa cho bị cáo Lâm G1 là bà Hoàng Minh T2- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ.*

5. Hồ Duy P1, sinh ngày 10/9/1985, tại tỉnh Quảng Nam;

Nơi thường trú: Thôn L, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam. Nơi ở (không đăng ký tạm trú): khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: thợ xây; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ T3, đã chết và con bà Trương Thị T4, đã chết; Gia đình có 08 anh chị em, bị cáo là con thứ tám; sống chung như vợ chồng với Đặng Thị Cẩm T5, sinh năm 1986 và chưa có con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt quả tang và tạm giữ từ ngày 29/9/2024 đến ngày 04/10/2024, sau đó bị áp dụng biện pháp bảo lãnh.

6. Hồ Văn S, sinh ngày 01/01/1978, tại tỉnh Cà Mau;

Nơi thường trú: ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nơi ở (có đăng ký tạm trú): ấp Ông H, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: không đi học; dân tộc: Kh'mer; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn T6, đã chết và con bà Trần Mỹ H2, sinh năm 1957 (còn sống); Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ nhất; có vợ là Danh Thị O, sinh năm 1989; có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt quả tang và tạm giữ từ ngày 29/9/2024 đến ngày 04/10/2024, sau đó bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú.

*** Người bào chữa cho bị cáo Hồ Văn S là bà Lê M-** Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ.

*** Người làm chứng:**

+ Chị Danh Thị O, sinh năm 1989;

Nơi cư trú: Ấp Ô, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

+ Chị Lý Thị L4, sinh năm 1989;

Nơi cư trú: Ấp Ô, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(Các bị cáo, bà T2, bà M có mặt; chị O, chị L4 có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 28/9/2024, Liêng Văn Đ, Nguyễn Trung N, L, Hồ Văn S, Võ Văn B đang làm công nhân tại Công ty trách nhiệm hữu hạn D1 thuộc khu Công nghiệp T, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Trong lúc được nghỉ giải lao tại công ty, Đ rủ S, N, B tới đến phòng trọ của Đ tại tổ C, ấp Ông H, xã T, huyện V để đánh bạc, mọi người đồng ý. Sau khi tan ca trên đường về, Đ ghé tiệm tạp hóa ven đường mua 10 bộ bài tây (loại 52 lá) mang về phòng trọ. Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày N, S và Lâm G1 đến phòng trọ của Đ tại tổ C, ấp Ông H, xã T, huyện V. Điền trái chiều, lấy bài tây và cùng N, S, G1 đánh bài cào tổ ăn tiền được một lúc thì có Võ Văn B, Hồ Duy P1 cùng đến tham gia đánh bạc. Nhóm Đ thống nhất cách thức đánh bạc và mức độ thắng thua như sau:

Trước khi chia bài mỗi người đặt 10.000 đồng tiền đường (còn gọi là tiền sắn), sử dụng bài tây 52 lá chia đều cho mỗi người chơi 03 lá bài và có các lựa chọn thắng thua: Úp bài: người chơi mất tiền cược ban đầu và kết thúc ván bài; Theo: đặt tiền cược bằng số tiền của người cửa trên; Tổ: đặt thêm tiền cược cao hơn số tiền của người cửa trên; các con bạc tổ với nhau mỗi lần tối thiểu 10.000 đồng và tối đa 100.000 đồng. Sau khi đặt tiền cược, người nào có số điểm cao nhất thì thắng bạc. T7, thua được tính theo thứ tự từ lớn đến bé như sau: Sáp: 03 lá bài giống nhau, nếu hai người có cùng “sáp” thì người nào có “sáp” cao hơn sẽ thắng; Liêng: 03 lá bài liên tiếp nhau, khi hai người cùng có “liêng” thì ai có “liêng” cao hơn sẽ thắng, khi hai “liêng” bằng nhau thì tìm lá bài cao nhất để so sánh, thứ tự chất từ cao đến thấp của “liêng” là: Cơ, R, C, B1; Ba tây: 03 quân bài đều là hình (có J hoặc Q hoặc K). Khi có ba tây như nhau thì so sánh lá bài cao nhất, nếu chất bằng nhau thì so sánh đến quân bài; Điểm: khi bài không có “sáp, liêng, ba tây” thì bắt đầu tính điểm bằng cách lấy tổng điểm của 03 quân chia cho 10, số dư sau khi chia là số điểm và được sắp xếp từ cao xuống thấp 9, 8, 7, 6, 5, 4, 3, 2, 1, 0 điểm. Các quân 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 được tính đương ứng là 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 điểm; quân A tính 1 điểm, quân 10, J, Q, K tính 0 điểm. Khi hai người bằng điểm thì so sánh quân bài có chất cao nhất, nếu cùng chất thì so sánh quân từ thấp đến cao là 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, J, Q, K, A. Ván bạc có người chơi thắng 300.000 đồng trở lên thì bỏ ra 10.000 đồng tiền xâu đưa cho Đ để chi trả tiền mua bài và nước uống, mỗi ván người chơi đặt cược từ 10.000 đồng đến 100.000 đồng.

Đến khoảng 20 giờ 45 phút cùng ngày, lực lượng Công an huyện V phối hợp Công an xã T kiểm tra, phát hiện nhóm Đ đang đánh bạc, nên tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Liêng Văn Đ, Võ Văn B, Hồ Duy P1, Hồ Văn S, L, Nguyễn Trung N, chuyển giao Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V giải quyết theo quy định pháp luật.

+ Tang vật thu giữ:

- Tại chiếu bạc: 4.660.000 đồng; 07 bộ bài tây đã qua sử dụng; 03 bộ bài tây chưa sử dụng; 01 chiếu cói đã qua sử dụng; 01 thau nhôm màu trắng bên trong có số

tiền thu xâu 100.000 đồng.

- Trên người các đối tượng: Liêng Văn Điền 600.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Oppo A77S; Hồ Duy P1 4.000.000 đồng; Hồ Văn S 500.000 đồng; Lâm Giang 1.200.000 đồng, 01 điện thoại di động Redmi note 11Pro; Võ Văn B 500.000 đồng (để trong ví da màu đen), 01 điện thoại di động Realme C67; Nguyễn Trung N 01 điện thoại di động Oppo Reno 12F.

+ Kết quả điều tra xác định tổng số tiền sử dụng đánh bạc là 8.060.000 đồng, trong đó số tiền tham gia đánh bạc của từng bị can như sau:

- Liêng Văn Đ mang theo 1.560.000 đồng để đánh bạc, trong đó Đ đã lấy 500.000 đồng sử dụng đánh bạc; cho Nguyễn Trung N mượn 500.000 đồng. Điền không xác định được số tiền thắng thua, khi bắt quả tang thu giữ trên người 600.000 đồng, là tiền đánh bạc.

- L sử dụng 1.800.000 đồng đánh bạc, không xác định được thắng thua, khi bắt quả tang thu giữ trên người 1.200.000 đồng, là tiền đánh bạc.

- Võ Văn B mang theo 1.700.000 đồng, sử dụng 1.200.000 đồng đánh bạc. Bính không xác định được thắng thua, khi bắt quả tang thu giữ trên người 500.000 đồng (không sử dụng đánh bạc).

- Hồ Văn S sử dụng 1.500.000 đồng đánh bạc, không xác định được thắng thua, khi bắt quả tang thu giữ trên người 500.000 đồng, là tiền đánh bạc.

- Nguyễn Trung N sử dụng 300.000 đồng đánh bạc, khi thua hết số tiền này N mượn Điền 500.000 đồng tiếp tục đánh bạc, N không xác định được thắng thua, khi bắt quả tang tiền để dưới chiếu bạc.

- Hồ Duy P1 mang theo 4.700.000 đồng, sử dụng 1.700.000 đồng đánh bạc. P1 không xác định được thắng thua, khi bắt quả tang thu giữ trên người 4.000.000 đồng, trong đó 1.000.000 đồng sử dụng đánh bạc, 3.000.000 đồng không sử dụng đánh bạc.

+ Xử lý tang vật tạm giữ:

- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện đã giao trả: 01 điện thoại di động Oppo A77S cho Liêng Văn Đ; 01 điện thoại di động Redmi note 11Pro cho Lâm G1; 01 điện thoại di động Realme C67 cho Võ Văn B; 01 điện thoại di động Oppo Reno 12F cho Nguyễn Trung N.

Bản Cáo trạng số: 02/CT-VKSVC ngày 16/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu truy tố bị cáo Liêng Văn Đ, Nguyễn Trung N, Võ Văn B, L, Hồ Duy P1, Hồ Văn S về tội: “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu trình bày luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); Xử phạt bị cáo Võ Văn B: 03 (ba) tháng 20 (hai mươi) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/9/2024. Tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Võ Văn B nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

+ Xử phạt bị cáo Liêng Văn Đ: từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung N: từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

+ Xử phạt bị cáo Hồ Duy P1: từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

+ Xử phạt bị cáo Lâm G1: từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

+ Xử phạt bị cáo Hồ Văn S: từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

- Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu căn cứ Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên:

+ Tịch thu tiêu hủy 10 bộ bài tây 52 lá; 01 chiếc cối và 01 thau nhôm màu trắng hiện đang tạm giữ.

+ Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 8.060.000 đồng.

+ Giao trả cho Võ Văn B số tiền 500.000 đồng; Hồ Duy P1 số tiền 3.000.000 đồng.

- Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*** Người bào chữa cho bị cáo Lâm G1 là bà Hoàng Minh T2-** Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ: Bà T2 thống nhất về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đại diện Viện kiểm sát đã áp dụng cho bị cáo G1. Tuy nhiên về mức hình phạt là từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng thì kính mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo G1 vì bị cáo là người dân tộc Khmer, gia đình thuộc hộ nghèo hộ cận nghèo có giấy xác nhận của UBND xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên kính mong Hội đồng xét xử có thể xem xét áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để cho bị cáo hưởng mức dưới khung hình phạt hoặc cho bị cáo hưởng hình phạt chính khác là hình phạt cảnh cáo.

*** Người bào chữa cho bị cáo S là bị cáo Lê M- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ:** Bà M thống nhất về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đại diện Viện kiểm sát đã áp dụng cho bị cáo S. Tuy nhiên về mức hình phạt là từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng thì kính mong Hội đồng

xét xử xem xét cho bị cáo S vì gia đình bị cáo là hộ nghèo, hộ cận nghèo có giấy xác nhận của UBND xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau, là người dân tộc Khmer, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên kính mong Hội đồng xét xử có thể xem xét áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để cho bị cáo hưởng mức dưới khung hình phạt.

*** Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến tranh luận đối đáp với người bào chữa cho bị cáo G1, bị cáo S:** Hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, mức hình phạt của hai bị cáo G1, bị cáo S đã được Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu xem xét, cân nhắc. Đồng thời người bào chữa cho hai bị cáo G1, S cũng thống nhất về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ, còn về hình phạt thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, đại diện Viện kiểm sát không tranh luận gì thêm.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố, không có ý kiến tranh luận gì, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh khó khăn của các bị cáo để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và chuẩn bị xét xử, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại đối với hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên. Lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20 giờ 45 phút ngày 28/9/2024, tại ấp Ông H, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai, Liêng Văn Đ cùng Hồ Duy P1, Nguyễn Trung N, L, Hồ Văn S, Võ Văn B đánh bạc trái phép bằng hình thức cào tố. Tổng số tiền tham gia đánh bạc là 8.060.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội danh như đã nêu là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3]. Về trách nhiệm hình sự:

3.1. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng của Nhà nước nên cần phải có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo thành công dân tốt, sống tôn trọng pháp luật, đồng thời còn răn đe và phòng ngừa chung.

3.2. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

3.3. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra, tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo G1, bị cáo S gia đình hai bị cáo là hộ nghèo, hộ cận nghèo có giấy xác nhận của UBND xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau và là người dân tộc Khmer nên Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, Điều 51 (riêng bị cáo G1, S áp dụng thêm khoản 2 Điều 51) của Bộ luật Hình sự để xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

[4]. Về hình phạt:

4.1. Bị cáo Liêng Văn Đ cung cấp địa điểm, công cụ đánh bạc để hưởng tiền xâu 100.000 đồng và trực tiếp tham gia đánh bạc với các bị cáo khác nên vai trò của bị cáo Đ là cao nhất trong vụ án nên bị cáo phải chịu mức hình phạt cao hơn các bị cáo còn lại. Các bị cáo Hồ Duy P1, Nguyễn Trung N, L, Hồ Văn S, Võ Văn B tham gia đánh bạc vai, trò người thực hành nên hành vi phạm tội của các bị cáo P1, N, G1, S, B ngang nhau.

4.1. Bị cáo Võ Văn B có nhân thân xấu, ngày 11/9/2020, bị Công an xã C, huyện T, tỉnh Quảng Bình xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc. Ngày 14/9/2020, Võ Văn B đã thi hành xong quyết định. Bị cáo đã bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc nhưng không lấy đó làm bài học tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà vẫn tiếp tục phạm tội đã thể hiện sự coi thường pháp luật. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt tù, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật. Tuy nhiên bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Căn cứ khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo. Tính đến ngày xét xử, bị cáo đã bị giam giữ thời hạn là 03 (ba) tháng 20 (hai mươi) ngày, cũng đã đủ thời gian răn đe, giáo dục, cải tạo đối với bị cáo. Hội đồng xét xử xem xét trả tự do cho bị cáo trong trường hợp thời hạn phạt tù bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giam theo quy định tại khoản 5 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác, thể hiện sự ưu việt của pháp luật, đề cao tính nhân văn, nhân đạo đối với

người có hành vi phạm tội, nhằm tạo điều kiện cho người bị kết án nhận ra lỗi lầm, tích cực cải tạo để trở thành người có ích cho gia đình, xã hội.

4.2. Các bị cáo Liêng Văn Đ, Hồ Duy P1, Nguyễn Trung N, L, Hồ Văn S, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, ngoài lần phạm tội này đều chấp hành tốt chính sách, pháp luật tại địa phương; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên chỉ cần áp dụng hình phạt tiền là đủ để giáo dục và phòng ngừa chung; do đó áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo để nộp ngân sách Nhà nước.

[5]. Về xử lý vật chứng:

+ 10 bộ bài tây 52 lá; 01 chiếc cối và 01 thau nhôm màu trắng các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

+ Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 8.060.000 đồng là tiền dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

+ Đối với số tiền 500.000 đồng của bị cáo Võ Văn B và số tiền 3.000.000 đồng của bị cáo Hồ Duy P1 do bị cáo B, P1 không sử dụng vào việc phạm tội nên cần tuyên trả lại cho bị cáo B số tiền 500.000 đồng và bị cáo P1 số tiền 3.000.000 đồng.

+ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện đã giao trả: 01 điện thoại di động Oppo A77S cho Liêng Văn Đ; 01 điện thoại di động Redmi Note 11Pro cho Lâm G1; 01 điện thoại di động Realme C67 cho Võ Văn B; 01 điện thoại di động Oppo Reno 12F cho Nguyễn Trung N, các bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội là phù hợp quy định pháp luật.

[6]. Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo G1: Quan điểm của người bào chữa một phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Đối với đề nghị áp dụng mức dưới khung hình phạt hoặc chuyển sang hình phạt chính là hình phạt cảnh cáo như đã phân tích nêu trên thì quan điểm này của người bào chữa chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[7]. Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo S: Quan điểm của người bào chữa một phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Đối với đề nghị áp dụng mức dưới khung hình phạt như đã phân tích nêu trên thì quan điểm này của người bào chữa chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[8]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu đối với các bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[9]. Về án phí: Do các bị cáo phạm tội nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo G1, bị cáo S có đơn xin miễn án phí, các bị cáo thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Vì vậy, cần miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo G1, bị cáo S. Buộc các bị cáo Đ, N, B, P1 mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

1.1. Tuyên bố các bị cáo Liêng Văn Đ, Nguyễn Trung N, Võ Văn B, L, Hồ Duy P1, Hồ Văn S phạm tội “Đánh bạc”.

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Xử phạt bị cáo Võ Văn B: 03 (ba) tháng 20 (hai mươi) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/9/2024.

- Căn cứ khoản 5 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Võ Văn B nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

1.3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 (riêng bị cáo S, G1 áp dụng thêm khoản 2) Điều 51, Điều 35, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- + Xử phạt bị cáo Liêng Văn Đ: 25.000.000 đồng.
- + Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung N: 20.000.000 đồng.
- + Xử phạt bị cáo Lâm G1: 20.000.000 đồng.
- + Xử phạt bị cáo Hồ Duy P1: 20.000.000 đồng.
- + Xử phạt bị cáo Hồ Văn S: 20.000.000 đồng.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Tịch thu tiêu hủy 10 bộ bài tây 52 lá; 01 chiếu cói và 01 thau nhôm màu trắng.
- Tịch thu để sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 8.060.000 đồng (tám triệu không trăm sáu mươi ngàn đồng);
- Trả lại cho bị cáo Võ Văn B số tiền 500.000 đồng và bị cáo Hồ Duy P1 số tiền 3.000.000 đồng.

(Vật chứng và số tiền trên đã được Cơ quan điều tra chuyển giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu theo biên lai thu số 0004338 ngày 17/12/2024

và biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 17/12/2024 tại Chi cục THADS huyện V);

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lâm G1 và Hồ Văn S.

Buộc bị cáo Liêng Văn Đ, Nguyễn Trung N, Võ Văn B, Hồ Duy P1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày, tính từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Công an huyện Vĩnh Cửu;
- Cơ quan Thi hành án hình sự huyện Vĩnh Cửu;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Quyết Tâm

